

NGUYÊN TẮC THỰC TIỄN TRONG GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC

NGUYỄN THẾ ANH

Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 25/5/2026. Sửa chữa xong 25/6/2026. Duyệt đăng 26/6/2026.

Abstract

The philosophical basis of the principle of practice is the theory of the role of practice in cognition in Marxist-Leninist philosophy. Practical principles require that awareness and action must come from reality, based on reality, go deep into reality, and attach importance to the work of summarizing reality. For higher education, the principle of practice is the "guideline" for teaching activities in the direction of linking knowledge with practice, learning in tandem with practice, training human resources with solid professional qualifications, practical skills, independent and creative work. To clarify the above content, the article analyzes the philosophical basis and requirements of practical principles, points out the role of practical principles and offers some solutions to implement practical principles in university teaching.

Keywords: Awareness, lecturer, practical principle, practice, university teaching.

1. Đặt vấn đề

Nguyên tắc thực tiễn được rút ra từ lý luận về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức trong triết học Mác - Lênin. Đây là nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, định hướng cho con người trong việc xây dựng, lựa chọn phương pháp nhận thức và hành động phù hợp, hiệu quả cho từng lĩnh vực cụ thể. Đối với giáo dục đại học, nguyên tắc thực tiễn là "kim chỉ nam" cho hoạt động giảng dạy theo hướng gắn kết tri thức với thực tiễn, học đi đôi với hành, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn vững, có kỹ năng thực hành, làm việc độc lập và sáng tạo. Giáo dục đại học Việt Nam hiện nay đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ như chất lượng từng bước nâng cao, tiếp cận dần với các chuẩn mực quốc tế, ngày càng có nhiều trường đại học được công nhận bởi các tổ chức kiểm định quốc tế và nằm trong bảng xếp hạng đại học tốt nhất thế giới, số lượng bài báo khoa học được công bố trên hệ thống ISI/Scopus ngày càng tăng, việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác giảng dạy và học tập ngày càng phổ biến... Song, bên cạnh những thành tựu đạt được, giáo dục đại học Việt Nam đang đối diện với nhiều thách thức và hạn chế cần khắc phục như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; chương trình đào tạo của nhiều ngành chưa thực sự gắn kết với nhu cầu của thị trường sức lao động; nội dung và phương pháp giảng dạy còn nặng tính lý thuyết, chưa chú trọng đúng mức đến việc rèn luyện kỹ năng thực hành cho người học; đội ngũ giảng viên chưa có nhiều trải nghiệm thực tiễn để truyền tải nội dung giảng dạy sát với yêu cầu doanh nghiệp; ở nhiều lĩnh vực, sự kết nối và chuyển giao công nghệ từ thực tiễn vào giảng đường chưa kịp thời; nhiều người học ra trường thiếu kỹ năng mềm và khả năng giải quyết các vấn đề thực tiễn... Những hạn chế trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan tạo nên, trong đó có nguyên nhân cơ bản là việc giảng dạy, học tập chưa gắn kết biện chứng với thực tiễn và cuộc sống. Do đó, việc nghiên cứu, vận dụng "nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học" là cần thiết và quan trọng.

Trong bài viết này, tác giả phân tích cơ sở triết học và yêu cầu của nguyên tắc thực tiễn, chỉ ra vai trò của nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học và đưa ra một số giải pháp thực hiện nguyên tắc trên trong giảng dạy đại học theo hướng gắn kết tri thức với thực tiễn, cuộc sống.

Email: khgls gla@gmail.com

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển giáo dục đại học, xây dựng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp đổi mới đất nước. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau đây:

Phương pháp phân tích - tổng hợp: Nghiên cứu, phân tích các tài liệu, tác phẩm kinh điển của triết học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng về các vấn đề liên quan đến nguyên tắc thực tiễn, phát triển giáo dục đại học và phương pháp giảng dạy đại học; liên kết các thông tin đã phân tích thành một chỉnh thể phản ánh bản chất, quy luật của vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp trừu tượng hóa - khái quát hóa: Rút ra những mặt cốt lõi, điển hình, bản chất của thực tiễn, nguyên tắc thực tiễn, vấn đề nhận thức, hoạt động giảng dạy đại học...; đưa ra khái niệm thực tiễn, nhận thức, những giải pháp phổ quát về sự vận dụng nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học...

Phương pháp hệ thống hóa: Sắp xếp, liên kết các thông tin, ý tưởng, các mục nội dung của vấn đề nghiên cứu (cơ sở triết học và yêu cầu của nguyên tắc thực tiễn, vai trò của nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học, giải pháp thực hiện nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học) thành một cấu trúc logic thống nhất biện chứng.

Phương pháp quy nạp - diễn dịch: Từ các dữ kiện, thực tiễn giáo dục đại học rút ra kết luận mang tính bản chất về vai trò của nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học; vận dụng lý luận triết học để giải thích vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, vai trò của nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học...

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Cơ sở triết học và yêu cầu của nguyên tắc thực tiễn

3.1.1. Cơ sở triết học của nguyên tắc thực tiễn

Cơ sở triết học của nguyên tắc thực tiễn là vai trò của thực tiễn đối với nhận thức trong triết học Mác - Lênin: *Thực tiễn là cơ sở, động lực, mục đích của nhận thức và là tiêu chuẩn của chân lý.*

a. Về phạm trù thực tiễn

Triết học Mác - Lênin quan niệm “thực tiễn là những hoạt động vật chất có mục đích mang tính lịch sử - xã hội của con người nhằm cải tạo tự nhiên và xã hội” (Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các Bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2001, tr. 347). Như vậy, đề cập đến thực tiễn trước hết là đề cập đến hoạt động vật chất của con người – đó là hoạt động mà con người sử dụng các công cụ, phương tiện vật chất để thực hiện, nhưng không phải mọi hoạt động vật chất của con người đều là thực tiễn, mà chỉ có những hoạt động vật chất của con người hướng đến cải tạo thế giới mới được gọi là thực tiễn.

Trong thực tiễn, con người nhận thức và vận dụng những quy luật vận động, phát triển chung của thế giới vật chất để cải biến tự nhiên, xã hội, “sáng tạo” ra những sự vật khách quan đúng như chúng đã được dự kiến trong tư duy, cho nên, thực tiễn luôn bao hàm tính phổ biến. Mặt khác, thực tiễn còn có tính hiện thực trực tiếp ở chỗ trong thực tiễn diễn ra sự tác động qua lại trực tiếp giữa chủ thể và khách thể, chính sự tác động này mà sự vật trong tư duy được “vật chất hóa” trở thành sự vật cảm tính, khách quan. Do đó, V.I. Lênin đã khẳng định: “Thực tiễn cao hơn nhận thức (lý luận), vì nó có ưu điểm không những của tính phổ biến, mà cả của tính hiện thực trực tiếp” (V.I. Lênin, 1980a, tr. 230).

Thực tiễn có rất nhiều dạng, trong đó, có ba dạng cơ bản sau đây:

Một là, hoạt động sản xuất vật chất. Đây là “hoạt động thực tiễn nguyên thủy nhất và cơ bản nhất” (Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các Bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, 2001, tr. 349), tạo ra tư liệu tiêu dùng (lương thực, thực phẩm, quần áo, nhà, xe, điện thoại...), tư liệu sản xuất (rìu, cuốc, máy cày, máy cưa, máy tính...) và các điều kiện thiết yếu để duy trì sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội.

Hai là, hoạt động chính trị - xã hội. Đây là hoạt động của các tổ chức cộng đồng người, của các nhà nước, các đảng chính trị nhằm cải biến các quan hệ xã hội, các thể chế chính trị để thúc đẩy xã hội phát triển. Thông qua hoạt động chính trị - xã hội mà con người chuyển từ “vương quốc tất yếu” sang “vương quốc của tự do”.

Ba là, hoạt động thực nghiệm khoa học. Hoạt động này được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định các quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu để từ đó ứng dụng vào đời sống, vì vậy, đây là hoạt động thực tiễn ngày càng có vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội hiện đại.

Ba dạng cơ bản của thực tiễn nêu trên có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó, hoạt động sản xuất vật chất giữ vai trò quyết định các dạng khác của thực tiễn, đồng thời là cơ sở cho sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội.

b. Về phạm trù nhận thức

Triết học Mác - Lênin quan niệm *nhận thức là quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc người trên cơ sở thực tiễn*. Trong hoạt động nhận thức có sự tác động biện chứng giữa chủ thể nhận thức và khách thể nhận thức. Chủ thể nhận thức là con người hiện thực (cá nhân, tập thể, cộng đồng, giai cấp, dân tộc, nhân loại) đang hoạt động tìm hiểu khách thể. Khách thể nhận thức là bộ phận nào đó của hiện thực mà chủ thể nhận thức hướng đến phản ánh, nắm bắt thông tin.

Nhận thức là quá trình biện chứng có sự vận động, phát triển. Con đường biện chứng của quá trình nhận thức chân lý là từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn. Trong quá trình nhận thức nảy sinh quan hệ biện chứng giữa nhận thức kinh nghiệm và nhận thức lý luận, nhận thức thông thường và nhận thức khoa học. Nhận thức biến đổi, phát triển theo hướng từ chưa biết đến biết, từ biết ít đến biết nhiều, từ trình độ thấp đến trình độ cao...

c. Về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức

Thứ nhất, thực tiễn là cơ sở của nhận thức: Thực tiễn là điểm xuất phát trực tiếp của nhận thức, nhu cầu tất yếu của con người là giải thích và cải tạo thế giới, cho nên, con người phải tác động trực tiếp vào các sự vật, hiện tượng bằng hoạt động thực tiễn của mình, sự tác động này làm cho các sự vật, hiện tượng bộc lộ những thuộc tính, những mối liên hệ đem lại những chất liệu thông tin cho nhận thức. Chẳng hạn như, bắt nguồn từ thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại sự áp bức, bóc lột của giai cấp tư sản vào đầu thế kỷ XIX dẫn đến sự ra đời của triết học Mác; hay việc khám phá và giải mã bản đồ gen người cũng xuất phát từ nhu cầu thực tiễn chữa trị những căn bệnh nan y...

Thứ hai, thực tiễn là động lực của nhận thức: Thực tiễn đặt ra vấn đề, nhu cầu, nhiệm vụ cho nhận thức, thúc đẩy nhận thức nắm bắt bản chất, quy luật vận động và phát triển của thế giới, từ đó, phát triển tư duy logic, tư duy sáng tạo của con người, hình thành nên các lý thuyết khoa học. Ph.Ăngghen nhận định: “... chính việc người ta biến đổi tự nhiên chứ không phải một mình giới tự nhiên, với tính cách giới tự nhiên, là cơ sở chủ yếu nhất và trực tiếp nhất của tư duy con người, và trí tuệ con người phát triển song song với việc người ta đã học cải biến tự nhiên” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2002, tr. 720). Mặt khác, nhờ hoạt động thực tiễn mà các giác quan của con người ngày càng được hoàn thiện, các công cụ, phương tiện hỗ trợ cho hoạt động nhận thức ngày càng hiện đại, có tác dụng “nối dài” các giác quan của con người trong việc nhận thức thế giới, giúp con người nhận thức sâu sắc, toàn diện bản chất, quy luật của thế giới.

Thứ ba, thực tiễn là mục đích của nhận thức: Thực tiễn là nơi nhận thức hướng tới cải tạo, phục vụ, định hướng và nâng cao hiệu quả. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Lý luận cũng như cái tên (hoặc viên đạn). Thực hành cũng như cái đích để bắn. Có tên mà không bắn hoặc bắn lung tung cũng như không có tên. Lý luận cốt để áp dụng vào thực tế. Chỉ học thuộc lòng, để đem lờ thiên hạ thì lý luận ấy cũng vô ích” (Hồ Chí Minh, 2011a, tr. 275).

Thứ tư, thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý: Thực tiễn là thước đo tính đúng sai, giá trị của những tri thức đã đạt được trong nhận thức, đồng thời thực tiễn không ngừng bổ sung, điều chỉnh, sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức. C.Mác khẳng định: “Vấn đề tìm hiểu xem tư duy của con người có

thể đạt tới chân lý khách quan hay không, hoàn toàn không phải là vấn đề lý luận mà là một vấn đề thực tiễn. Chính trong thực tiễn mà con người phải chứng minh chân lý” (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1995, tr. 10). Sau này, V.I. Lênin cũng nhấn mạnh: “Quan điểm về đời sống, về thực tiễn, phải là quan điểm thứ nhất và cơ bản của lý luận về nhận thức” (V.I. Lênin, 1980a, tr. 167). Thực tiễn với tính cách là tiêu chuẩn của chân lý có sự thống nhất giữa tính tuyệt đối và tính tương đối. Tính tuyệt đối ở chỗ tất cả những gì đã được thực tiễn xác nhận đều là chân lý khách quan. Tính tương đối ở chỗ thực tiễn mang tính lịch sử và có sự vận động, phát triển, cho nên, tri thức, lý luận có thể đúng ở giai đoạn này nhưng cần được bổ sung, phát triển ở giai đoạn khác.

3.1.2. Yêu cầu của nguyên tắc thực tiễn

Từ vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, đòi hỏi con người phải luôn luôn quán triệt nguyên tắc thực tiễn. Nguyên tắc này yêu cầu việc nhận thức và hành động phải xuất phát từ thực tiễn, dựa trên cơ sở thực tiễn, đi sâu vào thực tiễn, phải coi trọng công tác tổng kết thực tiễn. V.I. Lênin viết: “Chúng ta phải cố gắng theo kịp các sự kiện xảy ra, tổng kết lại, rút ra kết luận... Chúng ta phải làm công việc thường xuyên của các nhà chính luận - viết lịch sử hiện đại và cố gắng viết như thế nào để trang sử do chúng ta viết ra có thể giúp đỡ đắc lực cho những người trực tiếp tham gia phong trào” (V.I. Lênin, 2005, tr. 32).

Việc nghiên cứu, học tập lý luận phải liên hệ với thực tiễn, học đi đôi với hành. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành” (Hồ Chí Minh, 2011c, tr. 120). Nếu xa rời thực tiễn sẽ dẫn đến sai lầm của bệnh chủ quan, duy ý chí, giáo điều, máy móc, quan liêu. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa vai trò của thực tiễn sẽ rơi vào chủ nghĩa thực dụng, kinh nghiệm chủ nghĩa.

3.2. Vai trò của nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học

Dựa vào nguyên tắc thực tiễn có thể thấy giá trị cốt lõi của nền giáo dục đại học hiện đại là tính ứng dụng. Mục đích cuối cùng của giáo dục đại học không phải là thi cử, mà là giúp người học phát triển toàn diện nhân cách để soi rọi những vấn đề thực tiễn, thay đổi hành vi, giải quyết các tình huống trong cuộc sống một cách hiệu quả và lương thiện. Do đó, trong giảng dạy đại học, một giờ giảng tốt nhất là một giờ giảng bắt đầu từ thực tiễn và kết thúc trong thực tiễn. Khi bài giảng bắt đầu bằng tình huống thực tiễn thì sẽ thú vị và có sức hấp dẫn hơn, giúp người học hiểu rõ tại sao họ cần phải tiếp thu kiến thức này, từ đó, khơi gợi cho họ sự hứng thú, quan tâm, tò mò, đam mê, có động lực học tập tự thân, hiểu sâu và nhớ lâu kiến thức hơn.

Lý thuyết, tri thức mang tính trừu tượng, khái quát, tĩnh tại, có thể lỗi thời theo thời gian, còn thực tiễn, cuộc sống vô cùng phong phú, sinh động, biến đổi không ngừng, luôn ẩn chứa những điều mới mẻ. Giảng dạy đại học theo nguyên tắc thực tiễn giúp thu hẹp khoảng cách, sự chênh lệch giữa lý thuyết, kiến thức hàn lâm và yêu cầu công việc trong thực tiễn, tăng cường sự kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp, đồng thời rèn luyện cho người học kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, tư duy giải quyết vấn đề, khả năng học đi đôi với hành, và đảm bảo năng lực của người học đáp ứng nhu cầu nhân lực xã hội, nâng cao khả năng cạnh tranh để có việc làm sau tốt nghiệp. Chủ trương của Đảng ta cũng đã nhấn mạnh rằng: “... gắn đào tạo với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động, phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là chuyên gia đầu ngành..., có cơ chế và chính sách gắn kết có hiệu quả trường đại học với cơ sở nghiên cứu khoa học và doanh nghiệp để chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2006, tr. 96).

Giảng dạy đại học theo nguyên tắc thực tiễn tạo động lực cho việc cập nhật các xu hướng, công nghệ và phát hiện mới từ thực tiễn để nội dung giảng dạy không bị lỗi thời, giúp bài giảng sinh động, tránh giáo điều, lý thuyết suông, từ đó, góp phần đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, giảng dạy đại học theo nguyên tắc thực tiễn là nhu cầu tất yếu để xây dựng nền giáo dục hiện đại, tiên tiến và thực chất, rèn luyện cho người học đạt được năng lực, kỹ năng, phẩm chất không chỉ “giải thích được thế giới” mà còn biết “cải tạo thế giới” một cách hiệu quả.

3.3. Giải pháp thực hiện nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học

Để thực hiện tốt nguyên tắc thực tiễn trong giảng dạy đại học cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau đây:

3.3.1. Thiết kế nội dung bài giảng theo hướng gắn kết với thực tiễn và cuộc sống

Việc làm này giúp bài giảng tránh sự giáo điều, tầm chương trích cú; làm nổi bật tính hữu ích của tri thức cần truyền đạt. Để thực hiện tốt điều này, giảng viên cần lựa chọn nguồn chất liệu thực tiễn phù hợp, sinh động, không nên liệt kê quá nhiều thông tin thực tiễn khiến bài giảng lan man, đi lệch mục tiêu chính; các câu hỏi trao đổi, thảo luận cần hướng vào cuộc sống, công việc, tâm lý của người học.

3.3.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá theo hướng liên hệ với thực tiễn và cuộc sống, xem người học là trung tâm, là chủ thể của hoạt động tiếp thu và thực hành tri thức

Trong giảng dạy, giảng viên cần “mở đầu bài giảng bằng thực tiễn và kết thúc trong thực tiễn”. Mở đầu bài giảng, giảng viên đưa ra tình huống thực tiễn liên quan đến nội dung giảng dạy để thu hút sự quan tâm của người học, giúp người học nhận ra bài giảng có liên quan đến cuộc sống, công việc của họ hay những điều mà họ bận tâm, yêu thích, từ đó, họ thấy được lợi ích của bài giảng nên sẽ tập trung tiếp thu kiến thức tốt hơn. Sau khi có được sự chú ý của người học, giảng viên triển khai nội dung bài giảng và dựa vào thực tiễn để lý giải, làm sáng tỏ các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật... trong bài giảng. Khi người học liên tiếp được “dẫn dắt đi qua lý thuyết bằng thực tiễn” họ sẽ cảm thấy bài giảng sinh động, phản ánh cuộc sống của mình, dành cho mình, từ đó, họ bị cuốn vào “dòng chảy” nội dung của bài giảng một cách tự nhiên. Khi kết thúc bài giảng, giảng viên cần nhấn mạnh lại mối liên hệ giữa tri thức với thực tiễn và cuộc sống nhằm giúp người học thấy rõ những gì vừa học là hữu ích và có vai trò định hướng cho công việc, cuộc sống của họ, từ đó, họ sẽ tự giác, chủ động ôn tập, củng cố và làm chủ tri thức.

Hệ thống các câu hỏi, bài tập kiểm tra, đánh giá cần ra theo hướng vận dụng, liên hệ với thực tiễn, cuộc sống. Theo đó, nên chú trọng các dạng bài tập thuyết trình, thảo luận, dự án... hướng đến giải quyết các tình huống, thực trạng ngành nghề, và khuyến khích người học đưa ra các ý tưởng, giải pháp mới lạ để giải quyết vấn đề.

3.3.3. Hướng dẫn người học thực hành tri thức

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh “Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy” (Hồ Chí Minh, 2011b, tr. 361). Mỗi lĩnh vực tri thức có điều kiện, yêu cầu và cách thức thực hành tri thức khác nhau. Có lĩnh vực cần phòng thí nghiệm, phân xưởng, phòng máy, phòng mô phỏng... để thực hành, nhưng cũng có lĩnh vực thực hành tri thức là chuyển hóa tri thức thành hành vi, thái độ sống và làm việc... Song, lĩnh vực nào thì giảng viên cũng đóng vai trò là “huấn luyện viên”, người định hướng và là “bà đỡ” tinh thần và trí tuệ, giúp người học chuyển hóa tri thức, lý thuyết thành thao tác, kỹ năng thực tiễn. Giảng viên hướng dẫn rõ trình tự các bước, tạo điều kiện, gợi mở tư duy cho người học tự khám phá vấn đề; hỗ trợ người học giải quyết các vấn đề phức tạp, chỉnh sửa các sản phẩm thực hành; đánh giá khách quan, công tâm và kịp thời để chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu giúp người học hoàn thiện kỹ năng; quản lý người học trong quá trình thực hành, thực tập, tại doanh nghiệp; khuyến khích, động viên, xây dựng sự tự tin cho người học trong môi trường thực tiễn.

3.3.4. Kết nối, chuyển giao kịp thời, hiệu quả công nghệ, kỹ thuật từ thực tiễn vào giảng đường

Điều này giúp nội dung giảng dạy sát với thực tiễn, có thể giải quyết nhiều vấn đề cụ thể mà nhu cầu xã hội đặt ra, nâng cao kỹ năng thực hành cho người học, tạo ra “hệ sinh thái” đổi mới sáng tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Có nhiều phương thức thực hiện chuyển giao công nghệ, kỹ thuật từ thực tiễn vào giảng đường như mời chuyên gia, các nhà quản lý, kỹ sư... trong các doanh nghiệp tham gia đồng giảng dạy, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, thiết kế, cập nhật chương trình đào tạo và tài trợ học phần ứng dụng, hỗ trợ nghiên cứu phát triển; đưa tiến sĩ, giảng viên tham gia làm việc tại phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp hoặc các viện nghiên cứu, các trường đại học uy tín trên thế giới để nắm bắt xu hướng thị trường, sự vận động của các ngành

nghề, công nghệ, kỹ năng mới, qua đó tích lũy thêm trải nghiệm thực tiễn, làm nền tảng nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khi trở lại môi trường học thuật; thành lập các văn phòng chuyển giao công nghệ, trung tâm ứng dụng, mô hình spin-off (doanh nghiệp khởi nguồn) trong trường đại học...

3.3.5. Cập nhật tri thức, công nghệ, phương pháp giảng dạy mới theo nhu cầu và sự vận động, phát triển của thực tiễn

Cập nhật liên tục các phát hiện mới từ thực tiễn, kiến thức số, trí tuệ nhân tạo... vào nội dung bài giảng. Sử dụng hệ thống quản lý số trong giảng dạy, học tập, tham khảo kho tài nguyên số để thiết kế bài giảng thêm sinh động, thiết thực. Bên cạnh thuyết giảng cần đẩy mạnh phương pháp giảng dạy theo hướng nêu vấn đề, gợi mở tư duy, thúc đẩy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, phát triển năng lực, phẩm chất, tư duy phản biện và khả năng thích ứng trong kỷ nguyên số. Kết hợp linh hoạt học tập trực tiếp và trực tuyến.

4. Kết luận

Nguyên tắc thực tiễn là một trong những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản, quan trọng trong triết học Mác - Lênin. Đối với hoạt động giảng dạy đại học, nguyên tắc thực tiễn đóng vai trò cốt lõi trong việc chuyển hóa lý thuyết thành thao tác, kỹ năng thực tiễn, giúp người học hiểu rõ bản chất của vấn đề, rèn tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tích cực và tự giác hơn trong học tập, biết vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã từng nhấn mạnh: "Đối với Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà" (Hồ Chí Minh, 2000, tr. 81).

Tài liệu tham khảo

- C. Mác và Ph. Ăngghen (1995). *Toàn tập* (tập 3). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- C. Mác và Ph. Ăngghen (2002). *Toàn tập* (tập 20). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1). NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh (2000). *Toàn tập* (tập 8). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hồ Chí Minh (2011a). *Toàn tập* (tập 5). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hồ Chí Minh (2011b). *Toàn tập* (tập 6). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hồ Chí Minh (2011c). *Toàn tập* (tập 7). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình quốc gia các Bộ môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2001). *Giáo trình triết học Mác - Lênin*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- V.I. Lênin (1980a). *Toàn tập* (tập 18). NXB Tiến bộ.
- V.I. Lênin (1980b). *Toàn tập* (tập 29). NXB Tiến bộ.
- V.I. Lênin (2005). *Toàn tập* (tập 6). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.